TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN P** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2024/HS-ST
Ngày 20/02/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Quảng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Ngọc Bình - Là giáo viên đã nghỉ hưu

Bà A Siu Hương – Hiệu trưởng trường dân tộc nội trú huyện P, tỉnh Gia Lai.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Quang Huy – Thư ký Toà án nhân dân huyện P, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:

Bà Trần Thị Nhất Linh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 02 năm 2024 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm kín vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 44/2023/TLST-HS ngày 24 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01.44/2023/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 12 năm 2023 đối với bị cáo:

Bùi Xuân C, tên gọi khác: không

Sinh ngày 05 tháng 10 năm 1976 tại huyện B, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi thường trú: Thôn C, xã B, huyện B, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ở hiện tại: Thôn A, xã P, huyện P, tỉnh Gia Lai.

Nghề nghiệp: Làm nông;

Trình độ học vấn: 5/12;

Dân tộc: Mường; Giới tính: Nam;

Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Bùi Xuân C1 (đã chết)và bà Hà Thị S (đã chết).

Có vợ là Hà Thị T, sinh năm 1976 và có 03 con, lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh 2021

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện P từ ngày 31/7/2023 đến nay

Có mặt tại phiên toà.

Người bào chữa cho bị cáo C: Ông Trần Mạnh T1, sinh năm 1978

Luật sư – Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Gia Lai.

Địa chỉ: 46 L, thành phố P, tỉnh Gia Lai

Có mặt

Người bị hại: La Thị Ngọc T2, sinh năm 2009

Nơi cư trú: Thôn Hoàng Ân, xã Ia Phìn, huyện P, tỉnh Gia Lai.

Vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của người bị hại: Ông La Văn D, sinh năm 1968 – Là cha đẻ của người bị hại.

Nơi cư trú: Thôn A, xã P, huyện P, tỉnh Gia Lai.

Vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị hại: Bà Nguyễn Hoàng Kim L, sinh năm 1981 – Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Gia Lai.

Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tại Bản cáo trạng số 48/CT-VKS-CPR, ngày 22/11/2023, bị cáo Bùi Xuân C bị Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Gia Lai truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Vào khoảng 16h30’ phút ngày 30/7/2023, Bùi Xuân C đang ngủ tại chòi rẫy nơi C làm thuê thuộc thôn A, xã P, huyện P, tỉnh Gia Lai thì có cháu La Thị Ngọc T2 sống cùng bố mẹ làm thuê ở gần khu vực đó đến chòi rẫy của C chơi, khi T2 đến thì C nhờ T2 lấy cho cốc nước để uống, T2 lấy nước rồi đi lại giường đưa nước cho C uống, T2 sờ trán của C rồi nói “sao nóng thế, thương chú thế” thấy T2 nói vậy, C nghĩ T2 đã có tình ý với C nên đã nảy sinh ý định xâm hại tình dục với T2 để thỏa mãn nhu cầu sinh lý, C liền cầm tay T2 rồi nói “có thương chú thật không” thì T2 cười không nói gì, C tiếp tục xin cho C ôm và hôn thì T2 chỉ cười và không nói gì. Lúc này, C đứng dậy đi ra đóng cửa ở trước chòi và chốt bên trong rồi đi ra khép cửa phía sau. Sau đó, C đi lại giường dùng tay ôm, hôn lên má và miệng của T2 rồi cả hai nằm xuống giường, C dùng tay phải vuốt ve vào người T2 ở bộ phận ngực và bộ phận sinh dục của T2, C nói “cho chú làm cái nha” T2 nhìn và không nói gì. Lúc này, C ngồi dậy cởi áo của C ra tiếp tục nằm ôm hôn T2 nói “cháu cởi quần áo ra” thì T2 nghe lời và cởi quần áo ra để ở trên giường, C cũng cởi quần của C ra để trên giường rồi cùng T2 nằm ra giường. Lúc này, C nằm đè lên người T2 rồi tiếp tục ôm, hôn và dùng tay sờ vào ngực và bộ phận sinh dục của T2 bằng cách dùng tay phải sờ xoa qua, xoa lại vào bộ phận sinh dục của T2 một lúc thì thấy có chất nhầy. Lúc này, dương vật của C đã cương cứng, C dùng tay phải cầm dương vật đút sâu vào bên trong âm đạo của T2 rồi thực hiện hành vi giao cấu khoảng 17 phút đến 20 phút, lúc này C thấy mệt nên rút dương vật cho ra ngoài (chưa xuất tinh) rồi đứng dậy lấy giấy vệ sinh để lau vào bộ phận sinh dục cho T2 và C. Khi lau xong, C tiếp tục nằm ôm, hôn sờ bộ phận sinh dục của T2, C hỏi T2 “có lấy chú không”, T2 trả lời “dạ có”, C hỏi tiếp “đẻ cho chú đứa con được không” T2 trả lời “dạ có”, lúc này, dương vật của C lại cương cứng rồi C nằm đè lên người của T2, C tiếp tục dùng tay phải cầm dương vật đút sâu vào bên trong âm đạo của T2 thực hiện hành vi giao cấu khoảng 15 phút đến 17 phút nữa thì C nghe tiếng ông La Văn D (Sinh năm: 1968, nơi thường trú: Ấp A, xã T, huyện V,

tỉnh Đồng Tháp) là bố ruột của T2 gọi "chú ơi, có T2 ở đấy không", C nghe vậy liền rút dương vật của C ra, rồi nói T2 mặc quần áo vào đi ra cửa sau để trốn, T2 đứng dậy lấy áo và quần mặc rồi T2 chạy ra cửa sau, Lúc này, C lấy quần mặc đi ra mở cửa thì anh D bước vào thấy C không mặc áo, quần thì mặc xộc xệch, Anh D hỏi "T2 đâu" thì C nói "vừa đi ra cửa ở phía sau", anh D hỏi "sao chú lại làm như thế", rồi bỏ đi về. Sau đó, C xuống nhà gặp anh D để xin lỗi, thì anh D nói "sao chú lại làm thế", rồi quay mặt đi, C quay về lại chòi rẫy rồi đến Công an xã P đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Ngày 30/7/2023, anh La Văn D có đơn trình báo đến Công an xã P, huyện P

Tại Kết luận giám định xâm hại tình dục ở trẻ em số: 391/KLTDTE-TTPY ngày 03/8/2023 của Trung tâm Pháp y tỉnh Gia Lai đối với La Thị Ngọc T2, kết luận:

- Toàn thân không dấu vết thương tích.
- Màng trinh giãn rộng, rách cũ ở vị trí 03 giờ, 06 giờ, 09 giờ, không có điểm sung huyết, không có điểm xuất huyết.
- Không tìm thấy tinh trùng trong dịch âm đạo.
- Tại thời điểm giám định đương sự chưa có dấu hiệu mang thai

Tại Kết luận giám định độ tuổi trên người sống số 995/KL – KTHS ngày 26/5/2023 của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Đà Nẵng, kết luận: Căn cứ sự phát triển thể chất, sự cốt hóa của các xương tay, chân và khung chậu, khám chuyên khoa, xét nghiệm và hội chẩn, xác định độ tuổi của La Thị Ngọc T2 tại thời điểm giám định (Tháng 5/2023) là từ 15 năm 03 tháng đến 15 năm 9 tháng

Tại phiên tòa, kiểm sát viên giữ quyền công tố giữ nguyên quan điểm truy tố theo bản cáo trạng 48/CT-VKS-CPR, ngày 22/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Gia Lai, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Bùi Xuân C phạm tội "**Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi**" theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 145 Bộ luật Hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 2 Điều 145; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự 2015 xử phạt bị cáo Bùi Xuân C từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù.

Về dân sự: Buộc bị cáo Bùi Xuân C phải bồi thường cho người bị hại số tiền 10.000.000 đồng. Bị cáo đã bồi thường 1.000.000 đồng, do vậy cần tiếp tục buộc bị cáo phải bồi thường 9.000.000 đồng.

Về vật chứng: Đề nghị tịch thu tiêu huỷ vật chứng là 01 quần vải thể thao màu xanh đen, có xọc màu đỏ, C dài 93cm, C rộng 34cm, ống quần rộng 15,5cm, quần đã qua sử dụng và 01 áo thể thao màu đen có xọc vàng, mặt trước ngực áo có chữ BWIN, C dài 62,5cm, C rộng 40cm, cổ áo rộng 15cm, áo đã qua sử dụng và 01 quần vải (dài) màu đen, C dài 91cm, C rộng 27cm, ống quần rộng 12cm, quần đã qua sử dụng; 01 áo ngực màu đen, C dài 65cm, C rộng 11cm, áo đã qua sử dụng; 01 áo vải (dài) màu đen, C dài 57cm, C rộng 45cm, cổ áo rộng 15cm, ống tay dài 52cm, ống tay rộng 10cm, áo đã qua sử dụng; 01 quần lót màu trắng, C dài 20cm, rộng nhất 22cm, nhỏ nhất 12cm, quần đã qua sử dụng.

Buộc bị cáo Bùi Xuân C phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước.

Tại phiên toà, người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng Điều 54 đối với bị cáo.

Tại phiên toà Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị hại đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật, về dân sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị hại không có yêu cầu gì thêm. Về xử lý vật chứng, Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị hại có ý kiến, người bị hại đã đi khỏi nơi cư trú, quá trình điều tra truy tố người bị hại không có yêu cầu được nhận lại, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định.

Bị cáo Bùi Xuân C thừa nhận hành vi phạm tội như Viện kiểm sát nhân dân huyện P đã truy tố và xin giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo không có yêu cầu nhận lại các vật chứng là quần áo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Kiểm sát viên thu thập, bị cáo, người bị hại cung cấp được thu thập hợp pháp. Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội:

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác, phù hợp với các tài liệu chứng chứng cứ đã được kiểm tra, tranh tụng công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có cơ sở khẳng định:

Vào khoảng 16h30’ phút ngày 30/7/2023, Bùi Xuân C đang ngủ tại chòi rẫy nơi C làm thuê thuộc thôn A, xã P, huyện P, tỉnh Gia Lai thì có cháu La Thị Ngọc T2 đến chòi rẫy của C chơi, khi T2 đến thì đã nảy sinh ý định quan hệ tình dục với T2 để thỏa mãn nhu cầu sinh lý, sau đó bị cáo C và cháu T2 đã hai lần tự nguyện thực hiện hành vi giao cấu, lần đầu khoảng 17 phút đến 20 phút, lần sau khoảng khoảng 15 phút đến 17 phút.

Tại Kết luận giám định độ tuổi trên người sống số 995/KL – KTHS ngày 26/5/2023 của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Đà Nẵng, kết luận: Căn cứ sự phát triển thể chất, sự cốt hóa của các xương tay, chân và khung chậu, khám chuyên khoa, xét nghiệm và hội chẩn, xác định độ tuổi của La Thị Ngọc T2 tại thời điểm giám định (Tháng 5/2023) là từ 15 năm 03 tháng đến 15 năm 9 tháng

Tại thời điểm mà bị cáo C giao cấu với cháu La Thị Ngọc T2 thì cháu cháu T2 đã đủ 13 tuổi và chưa đủ 16 tuổi.

Hành vi của bị cáo Bùi Xuân C là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến quyền được bảo vệ về thân thể, nhân phẩm, danh dự và sự phát triển bình thường về tâm sinh lý của trẻ em gái, gây mất trật tự trị an tại địa phương đã phạm vào tội “**Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi**” quy định tại Điều 145 Bộ luật Hình sự. Bị cáo C đã 2 lần thực hiện hành vi giao cấu với cháu T2, do vậy tội

phạm mà bị cáo C đã thực hiện thuộc trường hợp định khung tăng nặng được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 145 của BLHS.

[3] Về tính chất của tội phạm: Bị cáo Bùi Xuân C là người đã thành niên có đủ năng lực nhận thức hành vi giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi là hành vi vi phạm pháp luật, mặc dù giữa bị cáo và bị hại thực hiện hành vi giao cấu tự nguyện, nhưng tính đến ngày bị xâm phạm thì bị hại chưa đủ 16 tuổi, ở độ tuổi này nhận thức pháp luật của bị hại có phần còn hạn chế, bên cạnh đó trong mối quan hệ tình cảm nam nữ dễ bị cảm tính. Lẽ ra, bị cáo phải biết người bị hại là trẻ em khi thực hiện hành vi giao cấu sẽ ảnh hưởng đến sức khỏe và sự phát triển bình thường của người bị hại được pháp luật bảo vệ nhưng bị cáo đã không kiềm chế được dục vọng và thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi phạm tội của bị cáo không những đã xâm phạm trực tiếp đến thân thể, nhân phẩm, danh dự và sự phát triển bình thường về tâm sinh lý của cháu T2 mà còn gây mất trật tự trị an, gây hoang mang cho dư luận của địa phương thuộc trường hợp rất nghiêm trọng cần phải cần phải xử lý nghiêm khắc.

[4] Về nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Bị cáo Bùi Xuân C có nhân thân tốt. Tại lần phạm tội này, sau khi hành vi phạm tội bị phát hiện, trong quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Sau khi thực hiện tội phạm bị cáo đã đầu thú. Bị cáo đã tự nguyện nộp 1.000.000 đồng tại cơ quan Thi hành án dân sự để bồi thường cho người bị hại. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự sẽ được áp dụng cho bị cáo.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về hình phạt

Sau khi cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Với mục đích giáo dục bị cáo ý thức tuân theo pháp luật, tôn trọng pháp luật, ngăn ngừa bị cáo phạm tội mới. Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải tiếp tục cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục, cải tạo bị cáo, đảm bảo tác dụng răn đe, phòng ngừa và không gây ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm. Xét yêu cầu của người bào chữa đề nghị áp dụng Điều 54 đối với bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy, việc áp dụng điều 54 với bị cáo không đảm bảo được tác dụng răn đe, phòng ngừa đối với loại tội phạm này ở địa phương do vậy không chấp nhận yêu cầu của người bào chữa.

[6] Về dân sự:

Trong quá trình điều tra, truy tố, người đại diện hợp pháp của người bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường cho gia đình người bị hại 10.000.000đ (Mười triệu đồng). Tại phiên toà, người đại diện hợp pháp của người bị hại vắng mặt, tại đơn yêu cầu xét xử vắng mặt người đại diện hợp pháp của người bị hại tiếp tục yêu cầu bị cáo phải bồi thường 10.000.000 đồng, xét yêu cầu của người đại diện hợp pháp của người bị hại là có căn cứ và tại phiên tòa bị cáo đồng ý bồi thường, do vậy cần buộc bị cáo phải bồi thường cho người bị hại số tiền 10.000.000 đồng. Bị cáo đã

bồi thường 1.000.000 đồng, do vậy cần tiếp tục buộc bị cáo phải bồi thường 9.000.000 đồng.

[7] Về vật chứng: Vật chứng vụ án là 01 quần vải thể thao màu xanh đen, có xọc màu đỏ, C dài 93cm, C rộng 34cm, ống quần rộng 15,5cm, quần đã qua sử dụng và 01 áo thể thao màu đen có xọc vàng, mặt trước ngực áo có chữ BWIN, C dài 62,5cm, C rộng 40cm, cổ áo rộng 15cm, áo đã qua sử dụng; 01 quần vải (dài) màu đen, C dài 91cm, C rộng 27cm, ống quần rộng 12cm, quần đã qua sử dụng; 01 áo ngực màu đen, C dài 65cm, C rộng 11cm, áo đã qua sử dụng; 01 áo vải (dài) màu đen, C dài 57cm, C rộng 45cm, cổ áo rộng 15cm, ống tay dài 52cm, ống tay rộng 10cm, áo đã qua sử dụng; 01 quần lót màu trắng, C dài 20cm, rộng nhất 22cm, nhỏ nhất 12cm, quần đã qua sử dụng. Xét các vật chứng là trang phục của bị cáo và người bị hại đã mặc khi bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo và người bị hại tự nguyện cởi bỏ trang phục để thực hiện hành vi giao cấu, do vậy đây là vật chứng liên quan đến hành vi phạm tội. Xét các vật chứng này hiện không còn đảm bảo được giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[8] Về án phí:

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Bùi Xuân C phạm tội "Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi"

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 145; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự 2015

Xử phạt bị cáo Bùi Xuân C 04 (bốn) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 31/7/2023.

Áp dụng các điều 357, 584, 592 của Bộ luật dân sự 2015

Buộc bị cáo Bùi Xuân C phải bồi thường cho cháu La Thị Ngọc T2 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng). Bị cáo đã bồi thường được số tiền 1.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0004665 ngày 20/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P. Bị cáo Bùi Xuân C phải tiếp tục bồi thường cho cháu La Thị Ngọc T2 9.000.000 đồng (Chín triệu đồng) Người đại diện hợp pháp của người bị hại là ông La Văn D được nhận số tiền này.

Ông La Văn D được nhận số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) theo Biên lai thu tiền số 0004665 ngày 20/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự.

Áp dụng Điều 47 của của Bộ luật hình sự 2015; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự

Tịch thu tiêu huỷ vật chứng là 01 quần vải thể thao màu xanh đen, có xọc màu đỏ, C dài 93cm, C rộng 34cm, ống quần rộng 15,5cm, quần đã qua sử dụng và 01 áo thể thao màu đen có xọc vàng, mặt trước ngực áo có chữ BWIN, C dài 62,5cm, C rộng 40cm, cổ áo rộng 15cm, áo đã qua sử dụng và 01 quần vải (dài) màu đen, C dài 91cm, C rộng 27cm, ống quần rộng 12cm, quần đã qua sử dụng; 01 áo ngực màu đen, C dài 65cm, C rộng 11cm, áo đã qua sử dụng; 01 áo vải (dài) màu đen, C dài 57cm, C rộng 45cm, cổ áo rộng 15cm, ống tay dài 52cm, ống tay rộng 10cm, áo đã qua sử dụng; 01 quần lót màu trắng, C dài 20cm, rộng nhất 22cm, nhỏ nhất 12cm, quần đã qua sử dụng theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 23/11/2023 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện P và Chi cục Thi hành án dân sự huyện P

Áp dụng khoản 2 Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH

Buộc bị cáo Bùi Xuân C phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 450.000 đồng (Bốn trăm năm mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo, người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của người bị hại được quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Người đại diện hợp pháp của người bị hại được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện P;
- Công an huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Bị cáo và người tham gia tố tụng;
- Lưu VT, HSVA

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Văn Quảng